

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 02 - 2025

V/v “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức.

2. Ông Huỳnh Văn Tý.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 829/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-DS ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trương Ngọc B, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 06/01/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh L (sau đây gọi là ông L) trình bày: do quen biết với vợ chồng ông Trương Ngọc B (sau đây gọi là ông B), bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi là bà N) nên vào ngày 10 tháng 12 năm 2022

ông B, bà N có mượn của ông L 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để sử dụng vào việc xây dựng công trình. Khi mượn tiền, các bên có làm Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 10/12/2022 do ông L và vợ chồng ông B, bà N cùng ký tên vào giấy mượn tiền; không thế chấp tài sản. Thời hạn trả tiền là trong hạn 30 ngày kể từ ngày mượn, không tính lãi suất. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền ông B, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông L. Mặc dù ông L nhiều lần yêu cầu trả số tiền nêu trên nhưng ông B, bà N hứa hẹn mà vẫn không thực hiện. Do đó, ông L có gửi đơn đến Văn phòng Á, xã V, huyện T, tỉnh An Giang để yêu cầu giải quyết nhưng vợ chồng ông B vắng mặt, không đến tham gia hòa giải.

Nay ông L yêu cầu vợ chồng ông B, bà N liên đới trách nhiệm trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông B, bà N trả cho ông L lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10/12/2022 đến khi xét xử. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, ông L tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu vợ chồng ông B, bà N liên đới trả số tiền gốc 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L; buộc ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền gốc 50.000.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu về tính lãi suất.

+ Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương

Ngọc B, bà Nguyễn Thị N có đăng ký thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B, bà N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông B, bà N đều vắng mặt, không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà N theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: ông Nguyễn Thanh L yêu cầu ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[3.1] Xét, chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 10/12/2022 do ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N ký mượn của ông Nguyễn Thanh L số tiền 50.000.000 đồng.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn ông B, bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ nhưng ông B, bà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 50.000.000 đồng.

[4] Xét, giữa ông L với ông B, bà N có xác lập hợp đồng vay tiền vào ngày 10/12/2022. Theo đó, ông B, bà N cùng ký vay của ông L 50.000.000 đồng, tự thỏa thuận lãi suất. Mặc dù ông L đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà N trả số tiền nêu trên nhưng từ khi vay tiền đến nay ông B, bà N chưa trả cho ông L khoản tiền nào.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa ông L với ông B, bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn ông B, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L yêu cầu ông B, bà N liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L; buộc ông B, bà N liên đới trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng.

[5] Xét về lãi suất: tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông B, bà N có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc 50.000.000 đồng kể từ ngày 10/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B, bà N bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông L không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L.

1.1. Buộc ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L về việc yêu cầu ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N trả lãi suất trên số tiền gốc 50.000.000 đồng.

1.3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Ngọc B, bà Nguyễn Thị N phải chịu chung 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0021454 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hân Em